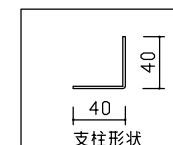
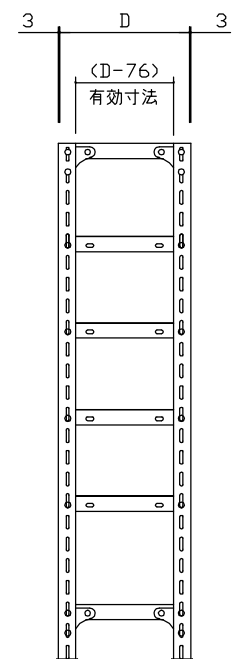
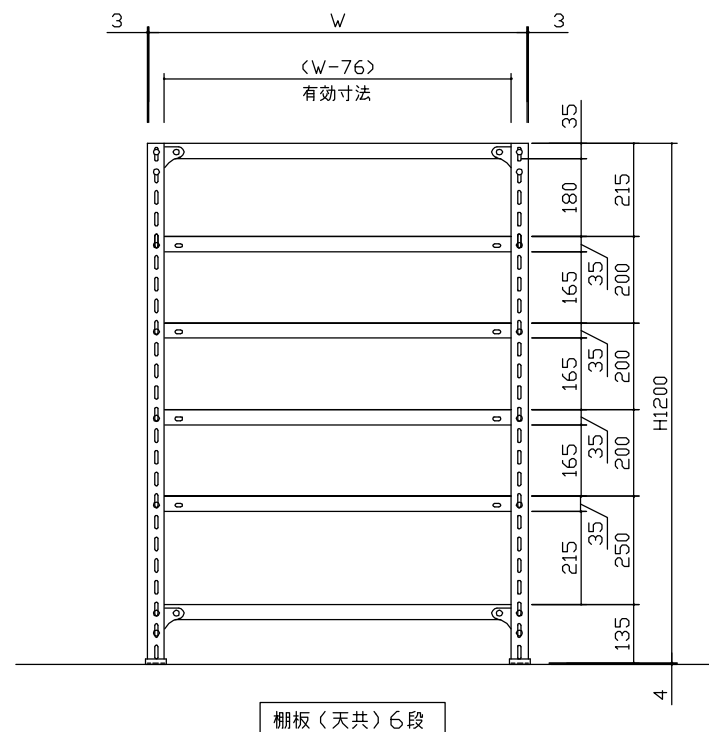


1 台あたりの総荷重 1000kg/台



本体外寸法

W+15
D+15
H+4



品番	□P (色記号)	W	D	段数
43V-16	NG	875	300	6
43X-16	NG	875	450	6
43W-16	NG	875	600	6
44V-16	NG	1200	300	6
44X-16	NG	1200	450	6
44W-16	NG	1200	600	6
45V-16	NG	1500	300	6
45X-16	NG	1500	450	6
45W-16	NG	1500	600	6
46V-16	NG	1800	300	6
46X-16	NG	1800	450	6
46W-16	NG	1800	600	6

作成日 2009.9.24	検図 ohashi	TRUSCO トラスコ中山株式会社	品名 軽量棚開放(ボルト締めタイプ)	品番 43V-16~46W-16
------------------	--------------	-------------------	-----------------------	---------------------